

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Xuôi.
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị T, sinh năm: 1994 (*Có mặt*).
Cư trú tại: ấp Ch, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- **Bị đơn:** Anh Thạch Minh S, sinh năm: 1988 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).
Cư trú tại: ấp ĐG, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 31-5-2018, bản tự khai ngày 09-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thạch Minh S do tự quen biết, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2012, không làm lễ cưới nên không có nữ trang cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 13-8-2012. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không chăm lo làm ăn, không

quan tâm gia đình, mà rượu chè say xỉn và gây chuyện dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ khoảng tháng 7 năm 2017, chị bỏ nhà lên Sài Gòn đi làm và sống ly thân với anh S cho đến nay, mà không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch Minh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai người con chung là Thạch Thị Mỹ H, sinh ngày 29-3-2013 và Thạch Minh Tr, sinh ngày 17-10-2010, hiện đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn, theo đơn khởi kiện thì chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu H, nhưng quá trình giải quyết vụ án, theo bản tự khai ngày 09-7-2018, thì chị T xin được thay đổi yêu cầu là đồng ý giao cháu H cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Tr chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh S không tạo lập tài sản chung, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh S không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chị và anh S, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Thạch Thị T có mặt giữ nguyên các yêu cầu và ý kiến của chị.

** Tại bản tự khai đề ngày 03-7-2018, biên bản lấy lời khai ngày 13-7-2018, bị đơn anh Thạch Minh S trình bày:*

Anh và chị Thạch Thị T đi đến hôn nhân do tự quen biết, cha mẹ hai bên chấp nhận, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán (nên không có nữ trang cưới), nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ năm 2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh xác định do chị T có tình cảm với người đàn ông khác, nên anh và chị T đã sống ly thân được hai năm nay (tính từ khoảng tháng 7 năm 2017) mà không thể hàn gắn lại. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung là Thạch Thị Mỹ H, sinh ngày 29-3-2013 và Thạch Minh Tr, sinh ngày 17-10-2010, hiện đang sống chung với anh, sau khi ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Tr thì giải quyết theo nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay mẹ anh đều đồng ý, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống, anh và chị T không tạo lập tài sản chung, cũng không có nợ chung. Anh không có ý kiến đối với các chứng cứ mà chị T đã nộp, riêng anh không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Thạch Minh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Thạch Minh S là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 31-7-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đi làm ở xa, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thạch Minh S theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Thạch Thị T và anh Thạch Minh S bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, tuy không làm lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 13-8-2012, nên hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, nên anh chị thường xuyên cự cãi và đã tự sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị T và anh S đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 09-7-2018 và 16-7-2018, nhưng anh S đều vắng mặt; Tại bản tự khai ngày 03-7-2018 gửi cho Tòa án và tại biên bản lấy lời khai ngày 13-7-2018, anh S thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với chị T do vợ chồng không thể hàn gắn lại.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị T, anh S đang trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thạch Thị T là có căn cứ. Anh S, chị T cùng tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị T được ly hôn với anh S.

[6] *Về con chung*: Chị T, anh S có hai người con chung tên Thạch Thị Mỹ H, sinh ngày 29-3-2013 và Thạch Minh Tr, sinh ngày 17-10-2010. Trong thời gian anh S, chị T sống ly thân cho đến nay, thì hai người con do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên việc thay đổi một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện ban đầu là sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu; Đối với cháu Tr thì giải quyết theo nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Tr ngày 13-7-2018, có sự chứng kiến của Công an địa phương, thì cháu Tr có nguyện vọng muốn được sống chung

với cha. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh S xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản tiếp xúc ngày 13-7-2018 của Tòa án với Công an ấp ĐG thì hiện nay hai cháu H, Tr được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Nên cần xử cho anh S được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của con chung. Vì anh S chưa đặt ra yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị T và anh S (thể hiện ý kiến qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai) cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T và anh S (thể hiện ý kiến qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai) thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Thạch Thị T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị T được ly hôn với anh Thạch Minh S.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Thạch Thị Mỹ H, sinh ngày 29-3-2013 và Thạch Minh Tr, sinh ngày 17-10-2010 cho anh Thạch Minh S tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị T và anh Thạch Minh S chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị T và anh Thạch Minh S thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thạch Thị T và anh Thạch Minh S thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai số AA/2015/0017333 ngày 19-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo